

Bản tin

Thị trường

**Thức ăn chăn nuôi
Việt Nam**

(Tuần 09/06-15/06/2016)

Công ty CP Phân tích và Dự báo Thị trường Việt
Nam - AgroMonitor

P.1604, tòa nhà số 101 Láng Hạ, Phường Láng
Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

ĐT: 84 4 35627684/ DD: 0943 411 411

Email: info@agromonitor.vn

www.agromonitor.vn

NHỮNG GÌ NỔI BẬT TUẦN QUA

Giá nguyên liệu TACN nhập khẩu

- Tuần này giá ngô nhập khẩu (hàng Mỹ/Nam Mỹ) giao dịch tại cảng Cái Lân dao động quanh mức 5.800 đồng/kg (hàng xá), không có nhiều biến động so với cuối tuần trước. Theo đó giá giao tới bán cho các nhà máy TACN tại khu vực Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội hiện nay vào khoảng 6.000 đồng/kg (hàng xá).

Tại Xuân Mai, một số DNTM tuần này đã giảm giá bán lẻ ngô xuống còn 5.900 đồng/kg (hàng bao, Nam Mỹ), thấp hơn 100 đồng/kg so với trước, nhu cầu tiêu thụ rất chậm (tiêu thụ nhỏ lẻ cho trang trại chăn nuôi).

- Đối với khô đậu tương, tại miền Bắc, chào giá bán khô đậu tương nhập khẩu Trung Quốc hiện khoảng 11.200 đồng/kg (hàng xá, Cái Lân), giao tháng 6/7, giá giao dịch thực tế quanh mức 11.100 đồng/kg.

Giá nguyên liệu TACN nội địa

- Giá cám gạo (cám khô, xơ dưới 7%, kho gạo bán ra): Sa Đéc (Đồng Tháp) 5.300 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg; Cái Bè (Tiền Giang) 5.400 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg; Tân Hiệp (Kiên Giang) 5.200 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg. Theo thương nhân thời gian gần đây nhu cầu của người mua đối với cám gạo nội địa tăng lên khá nhiều. Trong khi đó, do tình hình xuất khẩu gạo trầm lắng, các kho gạo chạy hàng ít, nguồn cung khan hiếm khiến giá cám chịu áp lực tăng.

- Tại Sơn La, hiện giá mì lát đang được các kho bán ra phổ biến trong khoảng từ 4.150-4.200 đồng/kg (hàng bao giao lên xe), tăng 50 đồng/kg so với tuần trước. Một số nhà máy TACN tại Hưng Yên, Hải Dương để giá mua vào sản lát ở mức 4.600-4.700 đồng/kg. Tại Xuân Mai nhà máy đưa ra mức 4.500 đồng/kg (hàng bao) nhưng thương nhân không chấp nhận.

Chào giá nhập khẩu

- Theo ước tính của AgroMonitor hiện nay chào giá nhập khẩu ngô Nam Mỹ shipment tháng 7 (thời gian giao hàng tại cảng xuất) về cảng miền Nam đang ở mức khoảng 235 USD/tấn (CFR). Mức giá này tương đương quy đổi khoảng 5.613 đồng/kg (gồm thuế nhập khẩu và chi phí làm hàng).

- Hiện nay chào giá nhập khẩu khô đậu tương, hàng shipment tháng 7 (giao tháng 7 tại cảng Argentina, hàng tàu xá) về cảng miền Nam và miền Bắc đang ở quanh các mức 476 USD/tấn và 482 USD/tấn (CFR). Tương đương quy đổi khoảng 11.288 đồng/kg và 11.429 đồng/kg (bao gồm cả lãi suất, tỷ giá, bảo hiểm, thuế nhập khẩu và chi phí làm hàng). Những lô hàng này nếu được kí mua sẽ về đến Việt Nam vào khoảng giữa tháng 8 – giữa tháng 9.

Thông tin hàng tàu

- Dự kiến nửa cuối tháng 6 có 3 tàu chở ngô với tổng lượng gần 175 nghìn tấn sẽ về đến Cái Lân. Trong đó gồm 2 tàu chuyên hướng từ Indo về Việt Nam, dự kiến ngày 17/06 tàu SSI Dignity chở 70.000 tấn ngô Mỹ và 30/06 có tàu Ioannis FK chở 61.050 tấn ngô Brazil về đến Cái Lân.

A. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG VÀ TRIỂN VỌNG
I. NGÔ
Giá nguyên liệu bán nội địa

Nguồn gốc	Địa bàn lấy giá	Tuần này	Tuần trước	Tháng trước	Ghi chú
Nhập khẩu - Nam Mỹ	Cảng Cái Lân	5,850	5,850	5,342	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
Nhập khẩu - Nam Mỹ	Cảng Cái Lân	5,800	5,800	5,292	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, giao tháng 6
Nhập khẩu - Mỹ	Cảng Cái Lân	5,800	5,800	-	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
Nhập khẩu - Nam Mỹ	Cảng Hải Phòng	5,900	5,900	5,377	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
Nhập khẩu - Nam Mỹ	Cảng Hải Phòng	5,850	5,850	5,327	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, giao tháng 6
Nhập khẩu - Nam Mỹ	Cảng Hải Phòng	-	-	6,000	Giá giao dịch thực tế, hàng bao, giao tháng 6
Nhập khẩu Nam Mỹ	Cảng Vũng Tàu	5,900	5,900	5,263	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
Nhập khẩu Nam Mỹ	Cảng Vũng Tàu	5,850	5,850	5,213	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, giao tháng 6

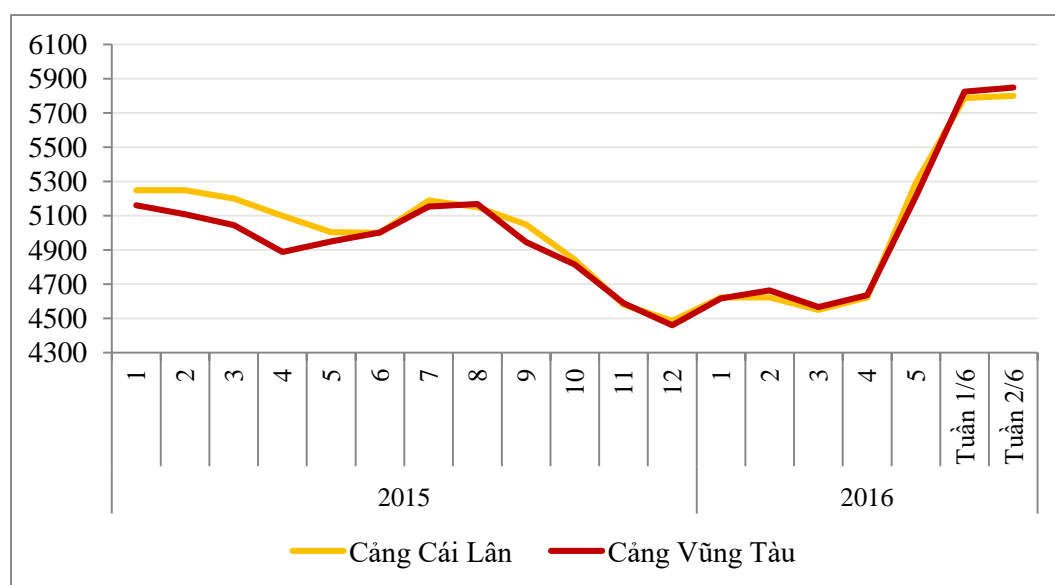
Nhập khẩu – Ucraina	Cảng Cát Lái (hàng cont)	5,700	5,700	-	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
Nhập khẩu – Mỹ	Cảng Vũng Tàu	5,800	5,800	-	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 7
Nhập khẩu – Nam Mỹ	Kho người bán tại Xuân Mai	5,900	6,000	-	Giá giao dịch thực tế, hàng bao, giao tháng 6 (bán lẻ, chủ yếu cho tiêu thụ của trại nuôi)
Nhập khẩu – Nam Mỹ	Kho người bán tại Hưng Yên, Hải Dương	-	-	-	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, giao tháng 6
Nhập khẩu – Nam Mỹ	Nhà máy TACN Hải Dương, Hưng yên, Hà Nội	6,000	6,000	-	Hàng xá
Nhập khẩu – Nam Mỹ	Cửa khẩu Mường Khương (Lào Cai)	-	-	-	Hàng bao, giá giao cho thương nhân biên giới
Nội địa – Sơn La	Sơn La	6,200	-	-	Ngô sấy, kho thương mại bán ra 14,5- 15%

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

- Tham khảo chào giá nhập khẩu nguyên liệu TACN về cảng Việt Nam (hàng tàu xá, giá USD/tấn, CFR)

Loại nguyên liệu	Thời điểm đưa ra chào giá	Thời gian giao hàng tại cảng xuất	Thời gian hàng dự kiến về đến cảng Việt Nam	Giá về cảng Vũng Tàu (USD/tấn, CFR)	Giá về cảng Cái Lân (USD/tấn, CFR)
Ngô Nam Mỹ	15/06	Tháng 7	Giữa tháng 8 – Giữa tháng 9	235	238
Ngô Nam Mỹ	15/06	Tháng 8/9	Giữa tháng 9 – Giữa tháng 11	230	233
Ngô Nam Mỹ	15/06	Tháng 10/11/12	Giữa tháng 11/2016 – Giữa tháng 2/2017	234	237
Ngô Mỹ	15/06	15/06 – 15/07	Giữa tháng 7 – Giữa tháng 8	228	231

Đồ thị giá ngô chào bán tại cảng miền Bắc và miền Nam (đồng/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TRONG TUẦN

1.1. Miền Bắc

- Tuần này giá ngô nhập khẩu (hàng Mỹ/Nam Mỹ) giao dịch tại cảng Cái Lân dao động quanh mức 5.800 đồng/kg (hàng xá), không có nhiều biến động so với cuối tuần trước. Theo đó giá giao tới bán cho các nhà máy TACN tại khu vực Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội hiện nay vào khoảng 6.000 đồng/kg (hàng xá).

Tại Xuân Mai, một số DNTM tuần này đã giảm giá bán lẻ ngô xuống còn 5.900 đồng/kg (hàng bao, Nam Mỹ), thấp hơn 100 đồng/kg so với trước, nhu cầu tiêu thụ rất chậm (tiêu thụ nhỏ lẻ cho trang trại chăn nuôi).

- Theo số liệu sơ bộ của TCHQ, trong kỳ từ 01/06 – 07/06 lượng ngô nhập khẩu về miền Bắc đạt 22,8 nghìn tấn. Trong đó, lượng hàng nhập trực tiếp bởi các DNSX đạt 16,9 nghìn tấn, chiếm 74% tỷ trọng.

- Ngoài ra, theo thương nhân tuần trước và tuần này còn có những lô hàng (vận chuyển bằng sà lan, mỗi sà lan khoảng 1.500 tấn) từ tàu tổn thất trong Nam (có những hầm hàng đã bị mốc trên bề mặt) được DNTM bán ra miền Bắc với mức giá chỉ khoảng 5.400 đồng/kg tại cảng Hải Phòng và Hải Dương (cảng đường sông).

- Theo ước tính của AgroMonitor hiện nay chào giá nhập khẩu ngô Nam Mỹ shipment tháng 7 (thời gian giao hàng tại cảng xuất) về cảng miền Bắc đang ở mức khoảng 238 USD/tấn (CFR). Mức giá này tương đương quy đổi khoảng 5.680 đồng/kg (gồm thuế nhập khẩu và chi phí làm hàng).

Đối với các kỳ hạn xa hơn, hàng Nam Mỹ shipment tháng 8/9 chào giá khoảng 233 USD/tấn (CFR) về cảng miền Bắc. Đối với hàng shipment tháng 10/11/12, chào giá về cảng miền Bắc khoảng 237 USD/tấn (CFR).

1.2. Miền Nam

- Tại miền Nam, giá ngô nhập khẩu giao dịch tại cảng Vũng Tàu hiện nay đang dao động quanh mức 5.850 đồng/kg (hàng xá, Nam Mỹ), giá ổn định, tình hình tiêu thụ đang khá tốt. Đối với ngô Mỹ giao tháng 7 tại cảng miền Nam, một số DNTM đang chào giá bán khoảng 5.750-5.800 đồng/kg (hàng xá).

- Theo số liệu sơ bộ của TCHQ, trong kỳ từ 01/06 – 07/06 lượng hàng ngô nhập khẩu về cảng miền Nam đạt khoảng 35,4 nghìn tấn. Trong đó hàng nhập trực tiếp của các DNSX đạt 3,2 nghìn tấn, chiếm 9% tỷ trọng.

- Theo ước tính của AgroMonitor hiện nay chào giá nhập khẩu ngô Nam Mỹ shipment tháng 7 (thời gian giao hàng tại cảng xuất) về cảng miền Nam đang ở mức khoảng 235 USD/tấn (CFR). Mức giá này tương đương quy đổi khoảng 5.613 đồng/kg (gồm thuế nhập khẩu và chi phí làm hàng).

Đối với các kỳ hạn xa hơn, hàng Nam Mỹ shipment tháng 8/9 chào giá khoảng 230 USD/tấn (CFR) về cảng miền Nam. Đối với hàng shipment tháng 10/11/12, chào giá về cảng miền Nam khoảng 234 USD/tấn (CFR).

- Đối với ngô Mỹ (hàng tàu xá, shipmen 15/06 – 15/07), theo thông tin thu thập được hiện nay chào giá nhập khẩu về cảng miền Nam chỉ khoảng 228 USD/tấn (CFR), thấp hơn khá nhiều so với mức 235 USD/tấn của hàng Nam Mỹ.

2. TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

- Trên thị trường thế giới, trong ngắn hạn giá ngô có thể tiếp tục chịu tác động tăng từ một số yếu tố như: (1) Nguồn cung thắt chặt tại Brazil (nước xuất khẩu ngô lớn thứ 2 thế giới). Hiện nay, Brazil đã bắt đầu có thu hoạch ngô vụ chính tuy nhiên do sự thiếu hụt lớn nên nước này còn đang phải nhập khẩu từ các nơi khác, trong đó có Mỹ. Vụ ngô năm nay của Brazil cũng được nhận định năng suất thấp do ảnh hưởng bởi khô hạn trước đó. Theo báo cáo của Safras Mercado, tiến độ thu hoạch ngô vụ 2 của Brazil tính đến cuối tuần trước đã đạt khoảng 5,6% diện tích. Còn theo khảo sát của Viện Kinh tế Nông nghiệp bang Mato Grosso (IMEA), năng suất ngô tại bang Mato Grosso năm nay chỉ đạt khoảng 5 tấn/ha – mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua; (2) Thông tin về dự báo thời tiết khô nóng sẽ diễn ra tại Mỹ trong thời gian tới, có thể ảnh hưởng xấu tới năng suất cây trồng cũng là yếu tố có thể tiếp tục khiến giá ngô thế giới tăng. Tại thời điểm giữa tháng 6/2016, giá ngô CBOT hiện đang ở mức cao nhất trong khoảng 2 năm trở lại đây.

- Đối với thị trường Việt Nam, theo nhận định của thương nhân trong ngắn hạn giá ngô tại miền Bắc sẽ chịu nhiều áp lực giảm hơn so với miền Nam. Tại miền Bắc, chỉ khoảng đầu tháng 7 ngô vụ mới đã bắt đầu có thu hoạch tại các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hòa Bình. Trong đó tại Hòa Bình, thương nhân nhận định sản lượng năm nay có thể tăng nhẹ so với năm 2015 nhờ vào thời tiết thuận lợi, năng suất tăng. Tại Sơn La (tỉnh có diện tích gieo trồng ngô lớn nhất cả nước), hiện nay hoạt động gieo trồng cũng đã hoàn thành, một số nhận định ban đầu cho rằng diện tích có thể giảm khoảng 20% so với năm ngoái, tuy nhiên thời tiết thuận lợi được kỳ vọng có thể giúp năng suất ngô năm nay tăng. Khoảng tháng 8 Sơn La sẽ có thu hoạch ngô tại một số huyện như Mộc Châu, Vân Hồ, tuy nhiên phải sang tháng 9, 10 và 11 mới rộ vụ tại nhiều vùng trồng lớn khác.

Còn tại miền Nam, dự kiến phải đến cuối tháng 8 mới bắt đầu có thu hoạch tại khu vực Tây Nguyên, tuy nhiên sản lượng cũng không nhiều do diện tích gieo trồng năm nay tiếp tục giảm mạnh và ảnh hưởng của thời tiết hạn hán nghiêm trọng có thể khiến năng suất

cây trồng không cao. Tính riêng tại Đắc Lắc, theo thương nhân trong năm 2016 diện tích trồng ngô có thể giảm mạnh khoảng 30-40% so với năm ngoái, diện tích gieo trồng cả năm có thể chỉ đạt khoảng 40 nghìn ha. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do giá ngô nội địa liên tục sụt giảm trong vài năm gần đây, người dân không lãi, phải chuyển đổi sang các loại cây trồng khác. Nhiều diện tích trồng ngô trước đây đã và đang được chuyển đổi sang trồng các loại cây khác như tiêu, sắn, mía.

- Đối với ngô nhập khẩu, dự kiến nửa cuối tháng 6 có 3 tàu chở ngô với tổng lượng gần 175 nghìn tấn sẽ về đến Cái Lân. Trong đó gồm 2 tàu chuyển hướng từ Indo về Việt Nam, dự kiến ngày 17/06 tàu SSI Dignity chở 70.000 tấn ngô Mỹ và 30/06 có tàu Ioannis FK chở 61.050 tấn ngô Brazil về đến Cái Lân.

Sang tháng 7, lượng ngô nhập khẩu về cảng miền Bắc dự kiến cũng không ít. Theo đó, dự kiến trong kỳ từ 01/07 – 20/07 có 6 tàu chở ngô với tổng lượng hơn 207 nghìn tấn sẽ về đến Cái Lân (phần lớn là hàng Argentina). Dựa vào lượng hàng dự kiến về Cái Lân này, ước tính trong tháng 7 lượng ngô nhập về Việt Nam có thể trên dưới 420 nghìn tấn.

II. KHÔ ĐẬU TƯƠNG

Giá chào bán khô đậu tương tiếp tục giữ ở mức cao do khan hàng

- Mặc dù giá khô đậu tương thế giới đang có xu hướng giảm nhẹ do các quỹ đầu cơ chốt lời sau khi giá tăng lên mức cao nhất trong vòng 2 năm, tuy nhiên chào giá bán khô đậu tương nội địa vẫn giữ ở mức cao do khan hàng. Theo số liệu sơ bộ của TCHQ, trong tuần đầu tháng 6, nhập khẩu khô đậu tương về cảng miền Bắc chỉ đạt khoảng 15,5 nghìn tấn, trong đó chỉ có khoảng hơn 2 nghìn tấn là hàng của DNTM. Trong khi tại miền Nam lượng hàng về cảng cũng ở mức thấp, chỉ hơn 17 nghìn tấn nhưng toàn bộ hàng là của các nhà máy. Điều này chứng tỏ lượng hàng thương mại ra thị trường là rất ít.

Tại miền Bắc, chào giá bán khô đậu tương nhập khẩu Trung Quốc hiện khoảng 11.200 đồng/kg (hàng xá, Cái Lân), giao tháng 6/7, giá giao dịch thực tế quanh mức 11.100 đồng/kg.

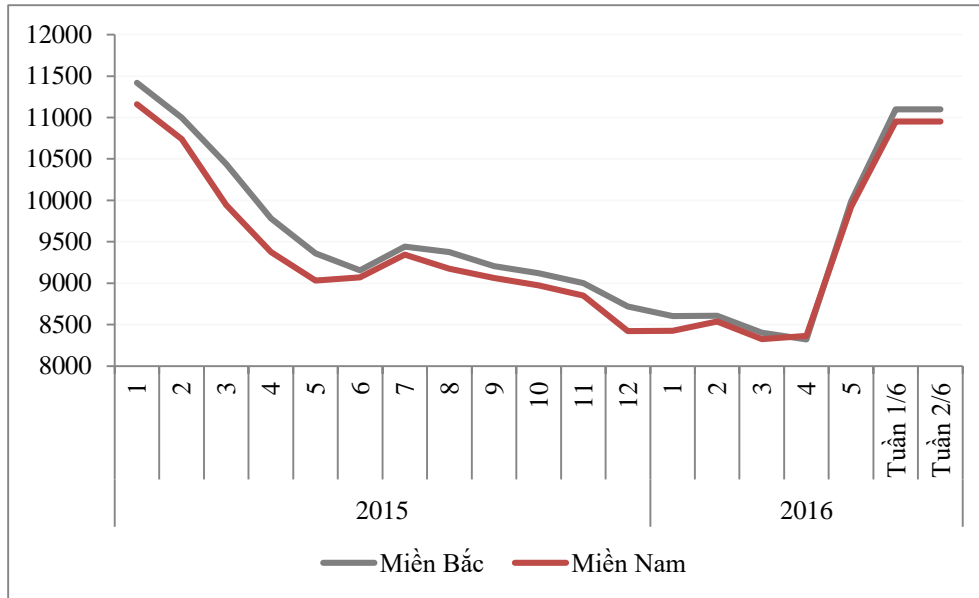
Tại miền Nam, giá bán khô đậu tương nhập khẩu tại cảng Vũng Tàu vẫn được chào ở nhiều mức giá, phổ biến quanh mức 11.200-11.300 đồng/kg (hàng xá, Nam Mỹ), giá giao dịch thực tế khoảng 10.900-11.000 đồng/kg (hàng xá), giao tháng 6.

Giá nguyên liệu bán nội địa

Nguồn gốc	Địa bàn lấy giá	Tuần này	Tuần trước	Tháng trước	Ghi chú
Nhập khẩu - Trung Quốc	Cảng Cái Lân	11,200	11,200	-	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6/7
Nhập khẩu - Trung Quốc	Cảng Cái Lân	11,100	11,100	-	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, giao tháng 6/7
Nhập khẩu - Nam Mỹ	Cảng Cái Lân	11,600-11,700	11,600-11,700	-	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6/7
Nhập khẩu - Nam Mỹ	Cảng Cái Lân	11,400-11,500	11,400-11,500	9,988	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, tháng 6/7
Nhập khẩu - Nam Mỹ	Cảng Cái Lân	11,400-11,500	11,400-11,500	-	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 9
Nhập khẩu - Nam Mỹ	Cảng Vũng Tàu	11,200-11,300	11,300	-	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
Nhập khẩu - Nam Mỹ	Cảng Vũng Tàu	10,900-11,000	10,900-11,000	9,923	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, giao tháng 6

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Đồ thị giá khô đậu tương chào bán tại cảng miền Bắc và miền Nam (đồng/kg)



Nguồn: AgroMonitor

Đối với chào giá nhập khẩu, theo các thông tin thu thập được AgroMonitor ước tính hiện nay chào giá nhập khẩu hàng shipment tháng 7 (giao tháng 7 tại cảng Argentina, hàng tàu xá) về cảng miền Nam và miền Bắc đang ở quanh các mức 476USD/tấn và 482 USD/tấn (CFR). Tương đương quy đổi khoảng 11.288 đồng/kg và 11.429 đồng/kg (bao gồm cả lãi suất, tỷ giá, bảo hiểm, thuế nhập khẩu và chi phí làm hàng). Những lô hàng này nếu được kí mua sẽ về đến Việt Nam vào khoảng giữa tháng 8 – giữa tháng 9.

Hàng shipment tháng 8/9 có giá chào khoảng 482 USD/tấn về cảng miền Nam và 488 USD/tấn về cảng miền Bắc, quy đổi khoảng 11.429 đồng/kg và 11.569 đồng/kg.

Đối với hàng shipment tháng 10/11/12 có giá chào khoảng 496 USD/tấn về cảng miền Nam và 502 USD/tấn về cảng miền Bắc, quy đổi khoảng 11.756 đồng/kg và 11.897 đồng/kg.

- Tham khảo chào giá nhập khẩu nguyên liệu TACN về cảng Việt Nam (hàng tàu xá, giá USD/tấn, CFR)

Loại nguyên liệu	Thời điểm đưa ra chào giá	Thời gian giao hàng tại cảng xuất	Thời gian hàng dự kiến về đến cảng Việt Nam	Giá về cảng Vũng Tàu (USD/tấn, CFR)	Giá về cảng Cái Lân (USD/tấn, CFR)
Khô đậu tương Argentina	15/06	Tháng 7	Giữa tháng 7 – Giữa tháng 9	476	482
Khô đậu tương Argentina	15/06	Tháng 8/9	Giữa tháng 9 – Giữa tháng 11	482	488
Khô đậu tương Argentina	15/06	Tháng 10/11/12	Giữa tháng 11/2016 – Giữa tháng 2/2017	496	502

2. Triển vọng thị trường

Giá khô đậu tương thế giới đang có xu hướng giảm nhẹ do các quỹ đầu cơ chốt lời sau khi giá tăng lên mức cao nhất trong vòng 2 năm. Ngoài ra, thị trường cũng cho rằng diện tích đậu tương Mỹ năm nay sẽ có thể sẽ cao hơn dự kiến trước đó cũng khiến cho giá đậu tương và khô đậu tương đi xuống. Theo dự báo của Informa Economics, diện tích đậu tương Mỹ năm 2016 sẽ đạt 83,8 triệu mẫu, tăng 1,5 triệu mẫu so với báo cáo tháng trước và cao hơn 755 nghìn mẫu so với dự báo gần đây nhất của USDA. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, dự báo thời tiết sẽ có một đợt khô nóng tại vùng Trung Tây nước Mỹ trong tuần tới có thể sẽ khiến cho giá tăng trở lại.

Đối với thị trường nội địa, do lượng hàng nhập khẩu của các nhà máy lớn thời gian vừa rồi khá lớn nên nhu cầu ăn hàng nội địa của các đơn vị này không nhiều. Chỉ có một số nhà máy nhỏ và trại nuôi phải mua cầm chừng với lượng ít. Mặc dù nhu cầu không nhiều nhưng do hàng nhập khẩu khan hiếm nên các DNTM nhiều khả năng vẫn giữ giá chào bán khô đậu tương ở mức cao. Nếu tình trạng khô hạn thực sự xảy ra tại Mỹ, giá khô đậu tương nội địa có thể sẽ tiếp tục bị đẩy lên cao hơn nữa.

Đối với hàng tàu nhập khẩu, có tin cho biết, hiện có 2 tàu khô đậu tương đang vào neo tại cảng Vũng Tàu là Zeng Heng và Yue Dian 85. Do vậy, từ giờ đến cuối tháng 6, dự kiến chỉ còn 2 tàu là Melite và Star Betty về Việt Nam, mang theo lượng hàng khoảng 100 nghìn tấn.

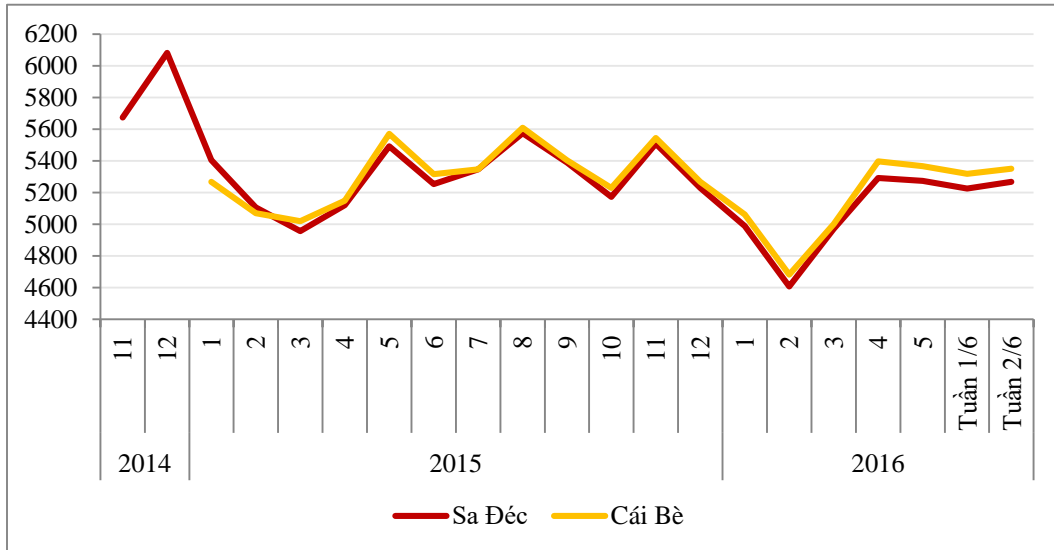
III. CÁM GẠO

Giá nguyên liệu bán nội địa

Nguyên liệu	Nguồn gốc	Địa bàn lấy giá	Tuần này	Tuần trước	Tháng trước	Ghi chú
Cám gạo	Nội địa	Kho người bán tại Sa Đéc (Đồng Tháp)	5,300	5,200	5,273	(cám lau, xơ dưới 7%)
Cám gạo	Nội địa	Kho người bán tại Thốt Nốt (Cần Thơ)	5,250	5,150	5,272	(cám lau, xơ dưới 7%)
Cám gạo	Nội địa	Kho người bán tại Tân Hiệp (Kiên Giang)	5,200	5,100	5,189	(cám lau, xơ dưới 7%)
Cám gạo	Nội địa	Kho người bán tại Cái Bè (Tiền Giang)	5,400	5,300	5,367	(cám lau, xơ dưới 7%)
Tám 3, 4	Nội địa	Kho người bán tại Tân Hiệp (Kiên Giang)	6,550	6,500	-	

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Đồ thị giá cám gạo tại Sa Đéc và Cái Bè (đồng/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

- Giá cám gạo (cám khô, xơ dưới 7%, kho gạo bán ra): Sa Đéc (Đồng Tháp) 5.300 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg; Cái Bè (Tiền Giang) 5.400 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg; Tân Hiệp (Kiên Giang) 5.200 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg. Theo thương nhân thời gian gần đây nhu cầu của người mua đối với cám gạo nội địa tăng lên khá nhiều. Trong khi đó, do tình hình xuất khẩu gạo trầm lắng, các kho gạo chạy hàng ít, nguồn cung khan hiếm khiến giá cám chịu áp lực tăng.

- Đối với hàng nhập khẩu, tuần này giá cám gạo trích ly đã được các DNTM đẩy tăng chào bán lên mức 4.700 đồng/kg (hàng cont, Ấn Độ), cao hơn 350 đồng/kg so với trước, tuy nhiên người mua hiện chưa chấp nhận mức giá này (giá tại cảng HCM).

Chào giá nhập khẩu của cám gạo trích ly về cảng miền Nam hiện nay khoảng 197 USD/tấn (CFR, hàng cont, Ấn Độ), tăng 10 USD/tấn so với tuần trước.

IV. SẢN

Giá nguyên liệu bán nội địa

Nguồn gốc	Địa bàn lấy giá	Tuần này	Tuần trước	Tháng trước	Ghi chú
Nội địa	Sơn La	4.150-4.000	4.100-4.150	-	Mì lát tại sân phơi (hàng bao)
Nhập khẩu Campuchia	Tây Ninh	4.220-4.230	4.220-4.230	-	Mì cám, hàng bao
Nhập khẩu Campuchia	Bình Phước	3.900	3.780	-	Mì xô thường, hàng bao
Nội địa	Quy Nhơn	4.000	4.000	-	Mì xô thường, hàng bao

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

- Tại Sơn La, hiện giá mì lát đang được các kho bán ra phổ biến trong khoảng từ 4.150-4.200 đồng/kg (hàng bao giao lên xe), tăng 50 đồng/kg so với tuần trước. Một số nhà máy TACN tại Hưng Yên, Hải Dương để giá mua vào sản lát ở mức 4.600-4.700 đồng/kg. Tại Xuân Mai nhà máy đưa ra mức 4.500 đồng/kg (hàng bao) nhưng thương nhân không chấp nhận.

- Tại Quy Nhơn, mì lát lưu kho đưa về vẫn được giao dịch phổ biến quanh mức 4.000 đồng/kg với mì xô thường và 4.050 đồng/kg với mì cám. Một số lái mì muốn đưa giá mì xô thường lên 4.020 đồng/kg nhưng không có kho nào muốn nâng giá lên. Mì mới từ Phú Yên hầu như không còn được đưa về do không có kho nào mua vào. Theo tin từ thương nhân cho biết, một số đơn vị bán nguyên kho cho nhà máy còn với giá 4.100-4.150 đồng/kg.

- Tại cửa khẩu Chàng Riệc và Xa Mát của Chàng Riệc, lượng mì Cam vẫn có đưa về, chủ yếu là mì C hoặc mì cám lưu kho trước đó. Giá mì cám lưu kho tại Xa Mát đang được bán ra ở mức 4.220-4.230 đồng/kg với hàng xá lên xe, 4.300-4.400 đồng/kg với hàng bao lên xe.

B. THƯƠNG MẠI

I. NGÔ

Lượng nhập khẩu ngô từ 01/01/2015 đến 07/06/2016 (tấn)

Tháng	Miền Bắc		Miền Nam	
	2015	2016	2015	2016
1	250,273	412,616	475,520	363,371
2	326,004	324,574	214,657	161,439
3	239,283	261,609	289,705	512,272
4	251,510	236,737	216,532	219,485
5	388,775	215,490	289,436	226,700
6	132,984	22,760	171,024	35,357
7	110,453	-	209,189	-
8	294,242	-	363,297	-
9	364,014	-	501,708	-
10	310,446	-	315,900	-
11	507,269	-	397,277	-
12	424,129	-	437,985	-
Tổng	3,599,382	1,473,786	3,882,230	1,518,624

Nguồn: AgroMonitor

Ghi chú: *tháng 06/2016 số liệu sơ bộ đến ngày 07/06/2016

Theo số liệu sơ bộ của TCHQ, trong kỳ từ 01/06 – 07/06 lượng ngô nhập khẩu về miền Bắc đạt 22,8 nghìn tấn. Trong đó, lượng hàng nhập trực tiếp bởi các DNSX đạt 16,9 nghìn tấn, chiếm 74% tỷ trọng.

Lượng nhập khẩu ngô theo doanh nghiệp về miền Bắc trong kỳ từ 01/06 – 07/06/2016 (tấn)

Doanh nghiệp	Lượng (tấn)	Loại DN
CT TNHH TACN Hoa Kỳ	4,700	SX
CT CP Nam Việt	4,500	SX
CT TNHH SX & TM Sao Mai	3,150	TM
CT CP DD Quốc Tế Đài Loan	3,060	SX
CT CP Abc VN	2,700	TM
CT CP TACN Tân Phát	1,800	SX
CT CP Việt Pháp	1,425	SX
CT CP DD Việt Tín	900	SX
CT CP Anova Feed	525	SX
Tổng	22,760	DNSX chiếm 74% tỷ trọng

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp từ số liệu TCHQ

Tại miền Nam, trong kỳ từ 01/06 – 07/06 lượng hàng ngô nhập khẩu về cảng đạt khoảng 35,4 nghìn tấn. Trong đó hàng nhập trực tiếp của các DNSX đạt 3,2 nghìn tấn, chiếm 9% tỷ trọng.

Lượng nhập khẩu ngô theo doanh nghiệp về miền Nam trong kỳ 01/06 – 07/06/2016 (tấn)

Doanh nghiệp	Lượng (tấn)	Loại DN
CT CP XNK Nhất Thành	20,500	TM
CT TNHH MTV XNK&TM Haneco	5,100	TM
CT TNHH TM XNK Khai Anh - Bình Thuận	4,000	TM
CT CP Việt Pháp Proconco	2,100	SX
CT TNHH MTV Kim Oanh Oanh	2,100	TM
CT TNHH CN TAGS Tấn Lợi	1,050	SX
CT TNHH Uagri	507	TM
Tổng	35,357	DNSX chiếm 9% tỷ trọng

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp từ số liệu TCHQ

Tham khảo một số đơn hàng nhập khẩu ngô lớn về miền Bắc trong kỳ từ 01/06 – 07/06/2016

Ngày	Loại DN	Cảng	Lượng (Tấn)	Đơn giá (USD/tấn, CFR)
7/6/16	DNSX	Cảng Cái Lân	4,700	182
1/6/16	DNSX	Cảng Cái Lân	4,500	185
1/6/16	DNTM	Cảng Cái Lân	3,150	184
2/6/16	DNSX	Cảng Cái Lân	3,060	182
1/6/16	DNTM	Cảng Cái Lân	2,700	186
1/6/16	DNSX	Cảng Cái Lân	1,800	185

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp từ số liệu TCHQ

Tham khảo một số đơn hàng nhập khẩu ngô lớn về miền Nam trong kỳ từ 01/06 – 07/06/2016

Ngày	Loại DN	Cảng	Lượng (Tấn)	Đơn giá (USD/tấn, CFR)
3/6/16	DNTM	Cảng SP-PSA (Vũng Tàu)	5,250	182
3/6/16	DNTM	Cảng SP-PSA (Vũng Tàu)	5,250	182
3/6/16	DNTM	Cảng SP-PSA (Vũng Tàu)	5,100	179
3/6/16	DNTM	Cảng SP-PSA (Vũng Tàu)	5,000	179
3/6/16	DNTM	Cảng SP-PSA (Vũng Tàu)	5,000	179
3/6/16	DNTM	Cảng SP-PSA (Vũng Tàu)	4,000	179
3/6/16	DNSX	Cảng SP-PSA (Vũng Tàu)	2,100	182

II. KHÔ ĐẬU TƯƠNG

Lượng nhập khẩu khô đậu tương từ tháng 01/2015 đến ngày 07/06/2016 (tấn)

Tháng	Miền Bắc		Miền Nam	
	2015	2016	2015	2016
1	124,676	68,599	152,237	158,103
2	35,387	149,805	225,446	169,851
3	140,000	151,150	254,717	210,082
4	79,597	101,729	302,897	264,801
5	105,616	98,880	194,403	254,672
6	144,763	15,505	186,182	17,613
7	125,360		190,090	
8	111,851		311,246	
9	141,684		248,554	
10	102,989		241,278	
11	80,856		175,280	
12	146,440		185,922	
Tổng	1,361,771	585,668	2,832,289	1,660,791

- Theo số liệu sơ bộ của TCHQ, trong kỳ từ 01/06-07/06, lượng khô đậu tương nhập khẩu về cảng miền Bắc chỉ khoảng 15,5 nghìn tấn. Trong đó hàng của DNSX đã chiếm tới gần 86% tỷ trọng. Hàng của DNTM về đợt này đều là khô đậu tương Trung Quốc. Đáng chú ý, có doanh nghiệp nhập lô gần 2 nghìn tấn khô đậu tương có giá khá tốt, chỉ 389 USD/tấn (quy đổi chỉ khoảng 9.080 đồng/kg, bao gồm cả lãi suất, bảo hiểm, tỷ giá và chi phí làm hàng). Với mức giá bán khô đậu tương Trung Quốc tại cảng Cái Lân hiện khoảng 11.100 đồng/kg (hàng xá) thì nếu doanh nghiệp này có hàng bán ra sẽ có lãi lớn.

Nhập khẩu khô đậu tương về miền Bắc theo doanh nghiệp trong kỳ từ 01-07/06/2016 (tấn):

Doanh nghiệp	Lượng (tấn)	Loại DN
TCT Tín Nghĩa	3,990	SX
CT CP DD NN Quốc Tế (Anco)	3,670	SX
CT CP ĐTK	1,998	TM
CT CP GREENFEED VN	1,900	SX
CT CP TACN ViNa	1,850	SX
CT TNHH ANT	997	SX
CT TNHH Kim Lợi Đại Thành	900	SX
CT TNHH Wilmar Agro VN	200	TM
Tổng	15,505	DNSX chiếm 86% tỷ trọng

- Tại khu vực miền Nam, lượng hàng nhập khẩu về kỳ này cũng rất ít, chỉ khoảng 17,6 nghìn tấn, toàn bộ là hàng của các nhà máy sản xuất TACN.

Nhập khẩu khô đậu tương về miền Nam theo doanh nghiệp trong kỳ từ 01-07/06/2016:

Doanh nghiệp	Lượng (tấn)	Loại DN
CT TNHH Cargill VN	9,946	SX
CT TNHH JAPFA COMFEED VN	2,042	SX
CT CP XNK Nông Sản TP An Giang	1,800	TM
CT CP DD NN Quốc Tế (Anco)	1,500	SX
CT TNHH Khoa Kỹ SV TL	1,425	SX
CT TNHH USFEED	900	SX
Grand Total	17,613	DNSX chiếm 90% tỷ trọng

Tham khảo một số đơn hàng nhập khẩu khô đậu tương lớn về cảng miền Bắc trong kỳ từ 01-07/06/2016:

Ngày	Loại DN	Cửa khẩu	Lượng (tấn)	Giá (USD/tấn, CFR)
6/6/16	DNSX	Cảng Cái Lân	2,310	341
7/6/16	DNSX	Cảng Cái Lân	2,090	326
6/6/16	DNTM	Cảng Hải Phòng	1,998	389
7/6/16	DNSX	Cảng Cái Lân	1,900	323
2/6/16	DNSX	Cảng Hải Phòng	997	392
3/6/16	DNSX	Cảng Hải Phòng	950	425
7/6/16	DNSX	Cảng Cái Lân	950	351

Tham khảo một số đơn hàng nhập khẩu khô đậu tương lớn về cảng miền Nam trong kỳ từ 01-07/06/2016:

Ngày	Loại DN	Cửa khẩu	Lượng (tấn)	Giá (USD/tấn, CFR)
7/6/16	DNSX	Cảng Quốc Tế SP-SSA (SSIT)	9,827	393
1/6/16	DNSX	Cảng Interflour (Vũng Tàu)	2,042	343
7/6/16	DNTM	Cảng Interflour (Vũng Tàu)	1,800	358
7/6/16	DNSX	Cảng Quốc Tế SP-SSA (SSIT)	1,500	311
3/6/16	DNSX	Cảng Interflour (Vũng Tàu)	1,425	327

C. PHỤ LỤC
Ngô và lúa mì

Ngô					Lúa mì				
Thị trường	Loại giá	14/06	13/06	10/06	Thị trường	Loại giá	14/06	13/06	10/06
Mỹ	CBOT T7/2016	171.8	169.3	166.9	Mỹ	CBOT T7/2016	178.2	180.5	182.0
Mỹ	CBOT T9/2016	173.9	171.4	168.7	Mỹ	CBOT T9/2016	182.8	184.9	186.0
Ucraina	FOB	-	194.0	194.0	Ucraina (lúa mì TACN)	FOB	-	-	-
Brazil	Nội địa	-	-	-	Canada (lúa mì TACN)	ICE giao ngay	225.0	225.0	235.0
Brazil	BMF T7/2016	225.9	227.2	226.5	Úc (ASW1, 2015/16)	Kwinana Port Zone	-	-	-
Brazil	BMF T9/2016	203.0	204.9	205.1	-	-	-	-	-
Argentina	FOB	206.0	204.0	203.0	-	-	-	-	-
Ấn Độ	NCDEX T6/2016	214.9	212.3	208.9	Ấn Độ	NCDEX T6/2016	-	-	-
Ấn Độ	NCDEX T7/2016	221.7	219.1	215.3	Ấn Độ	NCDEX T7/2016	-	-	-
Ấn Độ	NCDEX T8/2016	228.1	225.0	220.8	Ấn Độ	NCDEX T8/2016	-	-	-
Ấn Độ	NCDEX T9/2016	231.1	228.4	226.4	-	-	-	-	-

Đậu tương và khô đậu tương

Đậu tương					Khô đậu tương				
Thị trường	Loại giá	14/06	13/06	10/06	Thị trường	Loại giá	14/06	13/06	10/06
Mỹ	CBOT 7/2016	429.7	429.5	432.5	Mỹ	CBOT 7/2016	450.5	450.3	455.8
Mỹ	CBOT 8/2016	428.4	429.5	432.3	Mỹ	CBOT 8/2016	447.0	450.3	454.0
Argentina	FOB	450.0	450.0	452.0	Argentina	FOB	448.0	449.0	456.0
Brazil	Nội địa	-	-	-	Brazil	FOB	-	-	-
Brazil	BMF	429.7	429.5	433.0	Ấn Độ	FOB	-	-	-

	T7/2016								
Brazil	BMF T8/2016	428.5	429.5	432.7	-	-	-	-	-

Chào giá bột xương thịt giao tới khu vực châu Á (CNF, USD/tấn)

Nguồn gốc	Hàm lượng Protein (%)	Giá tuần này (USD/tấn)	Giá tuần trước (USD/tấn)
Argentina	45	440/450	440/450
Paraguay	45	410/430	410/430
Úc	45	460/470	460/470
Úc	50	490/500	490/500
Mỹ	50	490/510	490/510

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Giá bột xương thịt tuần trước tương đối ổn định, nhu cầu khá lớn trước lễ Ramadan. Thứ 2 tuần này (06/06), tháng lễ Ramadan bắt đầu.

Chào giá xuất khẩu bột cá tại cảng Peru và Chile (USD/tấn, FOB)

Chủng loại	Peru	Chile
65 protein	1320/1330	
67 protein SD 150 TVN	1400/1420	
67 protein SD 120 TVN	1500/1520	
67 protein SD 1000 hist, 120 TVN	1550/1570	1770/1790
68 protein SD 500 hist, 120 TVN	1600/1630	1800/1830

Giá bột cá châu Âu - FOB cảng miền Bắc Đức.

	Chủng loại	Tuần này (USD/tấn)	Tuần trước (USD/tấn)
Bột cá Đan Mạch	64 protein	1,495	1,495
Bột cá Peru	64 protein	1,700	1,700
Bột cá Chile	67 protein	1,730	1,730
Bột cá Iceland	70 protein	1,860	1,860

Giá nguyên liệu nội địa khu vực miền Bắc (đồng/kg)

Nguyên liệu	Nguồn gốc	Địa bàn lấy giá	15/06	14/06	Tuần trước	Ghi chú
Loại cung cấp tinh bột						
Ngô	Nhập khẩu – Nam Mỹ	Cảng Cái Lân	5,850	5,850	5,850	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
	Nhập khẩu – Nam Mỹ	Cảng Cái Lân	5,800	5,800	5,800	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, tháng 6
	Nhập khẩu – Mỹ	Cảng Cái Lân	5,800	5,800	5,800	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
	Nhập khẩu – Nam Mỹ	Cảng Hải Phòng	5,900	5,900	5,900	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
	Nhập khẩu – Nam Mỹ	Cảng Hải Phòng	5,850	5,850	5,800-5,850	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, tháng 6
	Nhập khẩu – Nam Mỹ	Hải Phòng	-	-	-	Hàng bao, giao tháng 6
	Nhập khẩu – Nam Mỹ	Xuân Mai	5,900	5,900	6,000	Hàng bao, giao tháng 6, giá kho thương mại bán ra
	Nhập khẩu – Nam Mỹ	Nhà máy TACN tại Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội	6,000	6,000	5,950-6,000	Hàng xá, giao tháng 6, giá nhà máy mua vào
	Nội địa – Sơn La	Sơn La	6,200	6,200	6,200	Ngô sây, kho thương mại bán ra 14,5-15%
	Nội địa – Sơn La	Hòa Bình	-	-	-	Hàng bao, ngô sây, kho thương mại bán ra 14,5-

						15%
	Nội địa	Xuân Mai	-	-	-	Hàng bao, ngô sảy, giá kho thương mại bán ra, độ ẩm 14,5%
Sắn lát	Nội địa	Xuân Mai	-	-	4,400	Hàng bao, độ ẩm < 15%, giá kho thương mại bán ra
Sắn lát	Nội địa	Xuân Mai	4,500	4,500	4,500	Hàng bao, độ ẩm < 15%, giá nhà máy TACN mua vào
Sắn lát	Nội địa	Hung Yên, Hải Dương	4,600-4,700	4,600-4,700	4,600-4,700	Hàng rời, độ ẩm < 15%, giá nhà máy TACN mua vào
Lúa mì TACN	Nhập khẩu – Nam Mỹ	Cái Lân	5,600	5,600	5,600	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
Cám mì viên	Nhập khẩu	Hải Phòng	-	-	-	Hàng rời, giao tại cảng
Cám mì viên	Nhập khẩu	Hung Yên, Hải Dương	-	-	-	Hàng rời, giá kho thương mại bán ra
Loại cung cấp đậm						
Khô đậu tương	Trung Quốc	Cảng Cái Lân	11,200	11,200	11,200	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6/7
Khô đậu tương	Trung Quốc	Cảng Cái Lân	11,100	11,100	11,100	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, tháng 6/7
Khô đậu tương	Nam Mỹ	Cảng Cái Lân	11,600-11,700	11,600-11,700	11,600-11,700	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6/7
Khô đậu tương	Nam Mỹ	Cảng Cái Lân	11,400-11,500	11,400-11,500	11,400-11,500	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, tháng 6/7
Khô đậu tương	Nam Mỹ	Cảng Cái Lân	11,400-11,500	11,400-11,500	11,400-11,500	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 9

Bột xương thịt	Châu Âu	Cảng Hải Phòng	-	-	-	Hàng rời
----------------	---------	----------------	---	---	---	----------

Giá nguyên liệu bán nội địa khu vực miền Nam (đồng/kg)

Nguyên liệu	Nguồn gốc	Địa bàn lấy giá	15/06	14/06	Tuần trước	Ghi chú
Loại cung cấp tinh bột						
Ngô	Nhập khẩu – Nam Mỹ	Cảng Vũng Tàu	5,900	5,900	5,900	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
	Nhập khẩu – Nam Mỹ	Cảng Vũng Tàu	5,850	5,850	5,850	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, giao tháng 6
	Nhập khẩu – Ucraina	Cảng Cát Lái (hàng cont)	5,700	5,700	5,700	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
	Nhập khẩu – Mỹ	Cảng Vũng Tàu	5,800	5,800	5,800	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 7
DDGS	Nhập khẩu - Mỹ	Giao tại cảng HCM	6,300	6,300	6,300	
Lúa mỳ TACN	Nhập khẩu - Nam Mỹ	Cảng Vũng Tàu	5,600	5,600	5,600	Giá giao tháng 6
Lúa mỳ TACN	Nhập khẩu - Úc	Cảng Vũng Tàu	5,800	5,800	5,800	Giá giao tháng 6
Cám gạo trích ly	Nhập khẩu - Ấn Độ	Cảng HCM	4,600-4,700	4,320	4,320	Chào giá bán của DNTM
Cám gạo (cám lau, cám khô, xơ dưới 7%)	Nội địa	Kho người bán tại Sa Đéc (Đồng Tháp)	5,300	5,250	5,200	
Cám gạo (cám lau, cám khô, xơ dưới 7%)	Nội địa	Kho người bán tại Thốt Nốt (Cần Thơ)	5,250	5,200	5,150	
Cám gạo (cám lau, cám khô, xơ dưới 7%)	Nội địa	Kho người bán tại Tân Hiệp (Kiên Giang)	5,200	5,150	5,100	

Cám gạo (cám lau, cám khô, xơ dưới 7%)	Nội địa	Kho người bán tại Cái Bè (Tiền Giang)	5,400	5,350	5,300	
Cám gạo (cám xay xát)	Nội địa	Kho người bán tại Cái Bè (Tiền Giang)	-	-	-	
Cám gạo (cám xay xát)	Nội địa	Kho người bán tại Cần Thơ	-	-	-	
Tấm 3, 4	Nội địa	Kho người bán tại Tân Hiệp (Kiên Giang)	6,550	6,500	6,500	
Cám mỳ viên	Nhập khẩu	Giao tại cảng Cát Lái	4,500	4,400	4,400	Hàng bao
Cám cộ	Nhập khẩu	Giao tại cảng HCM	3,400	3,250	3,250	
Sắn lát		Giao về nhà máy Đông Nam Bộ	4,600-4,700	4,600-4,700	4,600-4,700	Mi C Campuchia
Sắn lát		Giao về nhà máy Tây Nam Bộ	4,800-4,850	4,800-4,850	4,800-4,850	Mi C Campuchia
Sắn lát		Giao về nhà máy tại Quy Nhơn	4,500	4,500	4,500	
Loại cung cấp đạ						
Khô đậu tương	Nhập khẩu – Nam Mỹ	Cảng Vũng Tàu (hàng xá)	11,200-11,300	11,200-11,300	11,300	Chào giá bán của DNTM, hàng xá, giao tháng 6
Khô đậu tương	Nhập khẩu – Nam Mỹ	Cảng Vũng Tàu (hàng xá)	10,900-11,000	10,900-11,000	10,900-11,000	Giá giao dịch thực tế, hàng xá, giao tháng 6
Bột xương thịt	Nhập khẩu – Châu Âu	Cảng HCM (hàng đóng cont)	-	-	-	
Bột cá biển 55% đạ	Nội địa	Giao về nhà máy TATS tại miền Tây	22,500-23,000	22,500-23,000	22,500-23,000	Giá nhà máy mua vào

Bột cá biên 60% đạm	Nội địa	Giao về nhà máy TATS tại miền Tây	24,000-25,000	24,000-25,000	24,000-25,000	Giá nhà máy mua vào
Bột cá biên 65% đạm	Nội địa	Giao về nhà máy TATS tại miền Tây	32,500-33,000	32,500-33,000	32,500-33,000	Giá nhà máy mua vào

Giá thành chăn nuôi đầu ra (đồng/kg)

Sản phẩm	Địa phương	Tuần này	So với tuần trước	So với tháng trước	So với cùng kỳ năm trước	Loại giá
Heo hơi (loại 1.1 tạ/con, tiêu thụ nội địa và đi Trung Quốc)	ĐNB	45,000	+1,000	-4,500	-1.100	Tại trại
Heo giống (loại 20 kg/đầu)	ĐNB	100,000-105,000	0	-	-	Tại trại
Heo hơi (loại 1.1 tạ/con, tiêu thụ nội địa và đi Trung Quốc)	Thái Bình	51,000	+500	-2,600	+6,000	Tại trại
Heo hơi (loại 1.1 tạ/con, tiêu thụ nội địa và đi Trung Quốc)	Đông Bắc Bộ	52,000	+1,000	-	-	Tại trại
Heo giống (loại 6.5-7kg/đầu)	Thái Bình	253,800	0			Tại trại
Gà màu (gà giống, đồng/con)	ĐNB	7,500	-500			Tại trại
Gà màu (gà thịt)	ĐNB	36,000	0			Tại trại
Gà trắng (gà giống, đồng/con)	ĐNB	11,000	0			Tại trại
Gà trắng (gà thịt)	ĐNB	27,000	+500			Tại trại
Tôm sú (30 con/kg công nghiệp)	Cà Mau	242,500	0	+47,500	-	Tại ao
Tôm sú (40 con/kg công nghiệp)	Cà Mau	155,000	0	-10,000	-	Tại ao
Tôm thẻ (90 con/kg)	Sóc Trăng	109,000	0	+2,500	+8,786	Tại ao
Cá tra loại 1	Cần Thơ	19,500	0	-1,750	-1,035	Tại ao (trả chậm)

- Thương nhân cho biết từ cuối tuần trước hoạt động xuất khẩu heo đi tiểu ngạch sang Trung Quốc đã có những diễn biến khởi sắc hơn, lượng hàng giao dịch tăng lên. Nhu cầu thương lái hỏi mua heo tại các trại tăng lên, giá heo hơi tại khu vực Bắc Giang lên mức 52.000 đồng/kg, cao hơn 1.000 đồng/kg so với trước đó. Tuy nhiên ở chiều ngược lại, hiện nay đồng Nhân Dân Tệ vẫn đang mất giá khá mạnh, qua đó là yếu tố có thể khiến hoạt động xuất heo sang Trung Quốc gặp khó khăn (thương nhân biên giới khó làm do lợi nhuận giảm).

- Thông tin hàng tàu dự kiến bốc xếp tại cảng Nam Mỹ để xuất sang Việt Nam (Cập nhật ngày 13/06/2016):

Tên tàu	Nguyên liệu	Lượng (tấn)	Xuất xứ	Ngày dự kiến vào cảng	Chủ hàng	Tình trạng tàu	Ngày rời cảng	Ngày dự kiến về VN
Ever Shining	Ngô hạt	45,000	Arg		Marubeni	Đã rời cảng	26/05/16	05/07/16
Diamantina	Khô đậu tương	49,500	Arg		Glencore	Đã rời cảng	27/05/16	06/07/16
Pinafiro	Đậu tương	65,127	Brl		Bunge	Đã rời cảng	28/05/16	07/07/16
Yangze Navigation	Khô đậu tương	46,000	Arg		Enerfo	Đã rời cảng	29/05/16	08/07/16
Recco	Khô đậu tương	51,600	Arg		Peter Cremer	Đã rời cảng	31/05/16	10/07/16
Hanton Trader IV	Ngô hạt	44,410	Arg		Cargill	Đã rời cảng	08/06/16	18/07/16
Amis Ace	Ngô hạt	45,000	Arg		BTG Pactual	Đã rời cảng	12/06/16	22/07/16
Nozomi	Khô đậu tương	35,000	Arg	8/6/16	Enerfo	Loading		
Queen A	Khô đậu tương	50,234	Arg	29/5/16	Cargill	Loading		
Kastro	Ngô hạt + Khô đậu tương	30,000 tấn ngô hạt + 10,000 tấn khô đậu tương	Arg		Crossland	Loading		
Great Triumph	Ngô hạt + Đậu tương	47,505 tấn ngô hạt + 22,000 tấn đậu tương	Arg	20/6/16	Nidera			

Red Jasmine	Ngô hạt + Khô đậu tương + Lúa mì	40,000 tấn ngô + 9,000 tấn khô đậu tương + 19,000 tấn lúa mì	Arg	4/6/16	Bunge	Đang chờ tại cảng		
Xenia	Khô đậu tương	30,000	Arg	11/5/16	Marubeni			
Marcos	Ngô hạt	52,453	Arg	23/6/16	Al Ghurair			
King Milo	Ngô hạt	30,000 tấn ngô hạt + 18,059 tấn khô đậu tương	Arg	9/6/16	Marubeni	Đang chờ tại cảng		
Golden Gemini	Ngô hạt	66,000	Arg	24/6/2016	Enerfo			
Inspiration	Ngô hạt + Lúa mì	40,000 tấn ngô hạt + 10,000 tấn lúa mì	Arg	22/6/2016	Bunge			
SBI Bolo	Ngô hạt	22,165	Arg	21/6/2016	CGG			
Ikan Bagan	Ngô hạt	21,412	Arg	14/5/16	CHS			
Anastasia	Khô đậu tương + Ngô	35000 tấn SBM + 12,000 tấn ngô	Arg	7/6/16	CJ International	Đang chờ tại cảng		
Doric Spirit	Ngô hạt	40,000	Arg	29/5/16	ACA			
Tai Hapiness	Khô đậu tương	40,000	Arg	5/6/16	Marubeni	Đang chờ tại cảng		
Sasebo Glory	Ngô hạt	44,000	Arg	27/5/16	Nidera	Đang chờ tại cảng		
Shung Ying	Ngô hạt	69,750	Arg	30/6/16	ADM			
Hanton Trader VI	Lúa mì	22,000	Arg	12/6/16	Cargill			
Oratorio	Khô đậu tương	51,700	Arg	7/7/16	Agrocorp			
Nord Capel	Khô đậu tương	50,358	Arg	17/6/16	Marubeni			

la								
Sammy	Khô đậu tương	45,000	Arg	17/6/16	Marubeni			
Puppis Ocean	Khô đậu tương	30,000	Arg	25/6/16	Cargill			
Star Moira	Ngô hạt	31,500	Arg	12/6/16	Alea			
Hong Shen	Ngô hạt	20,000	Arg	5/7/16	Actiar			
Nord Sutron	Khô đậu tương	51,600	Arg	6/6/16	Peter Cremer	Đang chờ tại cảng		

- Cập nhật thông tin hàng tàu cập cảng Cái Lân

Tên tàu	Tên hàng	Lượng (tấn)	Ngày dự kiến tàu đến	Ghi chú	Người bán	Người mua
AGIOS NIKOLAS	Khô đậu tương Argentina	41,300	14/06/16		Al Ghurair	DNSX 100%
SSI Dignity	Ngô Mỹ	70,000	17/06/16	Tàu chuyên hướng từ Indo về VN		DNTM 100%
MELITE	Khô đậu tương Argentina	15,537	18/06/16		Cargill	DNSX 80%
UNITED LIBERTY	Ngô + Lúa mỳ Argentina	43,827 tấn ngô + 7,560 tấn lúa mỳ	23/06/16		Marubeni	Ngô DNSX 89%; Lúa mỳ DNSX 100%
ZHENG RONG	Khô đậu tương Argentina	29,688	26/06/16		Peter Cremers	DNSX 65%
Madarin Hantong	Lúa mỳ	25,000	29/06/16		Cargill	
Ioanis FK	Ngô Brazil	61,050	30/06/16	Tàu chuyên hướng từ Indo về VN		DNTM 100%
YASA NESLIHAN	Khô đậu tương Argentina	25,000	??/06/2016		Cargill	

GEORGITSI	Ngô Argentina	48,000	02/07/16		Marubeni	
LAKE DAWN	Ngô	45,000	06/07/16		Cargill	
GREAT TRIUMPH	Ngô Argentina	24,000	15/07/16		Cargill	
MARCO	Ngô Argentina	12,500	12/07/16		Al Ghurair	
EVERSHINING	Ngô Argentina	48,000	08/07/16		Marubeni	
KEY FUTURE	Khô đậu tương Argentina	45,000	17/07/16		Marubeni	
KASTRO	Ngô + khô đậu tương Argentina	30,000 tấn ngô + 10,000 tấn khô đậu tương	20/07/16		Crossland	
Yasa Ulsal Sunar	Lúa mì	35,000	??/07/2016			
Recco	Khô đậu tương Argentina	51,600	??/07/2016		Peter Cremer	
Doric Spirit	Khô đậu tương Argentina	40,000	??/07/2016		ACA	

- Dự kiến nửa cuối tháng 6 có 3 tàu chở ngô với tổng lượng gần 175 nghìn tấn sẽ về đến Cái Lân. Trong đó gồm 2 tàu chuyển hướng từ Indo về VN, toàn bộ hàng của 1 DNTM lớn.

- Dự kiến trong kỳ từ 01/07 – 20/07 có 6 tàu chở ngô với tổng lượng hơn 207 nghìn tấn sẽ về đến Cái Lân (phần lớn là hàng Argentina).

- Đối với khô đậu tương, dự kiến trong kỳ từ 14/06 – 20/07 có 8 tàu chở hàng với tổng lượng hơn 258 nghìn tấn sẽ về đến Cái Lân.

Lượng và kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu TACN trong kỳ từ 01-07/06/2016

Nguyên liệu	Lượng (tấn)	Kim ngạch (USD)
Lúa mì TACN	86,151	16,226,045
Đậu tương	75,355	31,171,518
Ngô hạt	58,117	10,552,990
Khô đậu tương	33,118	12,115,272
Cám mì	21,425	3,729,978
DDGS	19,843	4,246,231
Lúa mì thực phẩm	13,478	3,510,509
Bột xương thịt	10,037	2,919,019
Khô dầu cọ	7,850	766,250
Phụ gia TACN	7,146	7,282,859
Cám gạo	6,017	994,775
Bã cải ngọt	2,486	701,152

Bột cá	1,827	2,358,965
Bột gan mực	1,128	943,930
Bột gia cầm	1,125	597,249
Gluten ngô	443	153,465
Khô dầu dừa	201	40,904
Bã cải đắng	180	46,505
Khác	3,481	2,131,505
Tổng	349,407	100,489,120

Lượng nhập khẩu khô dầu các loại từ tháng 01/2015 – 07/06/2016 (tấn):

Tháng	Miền Bắc		Miền Nam	
	2015	2016	2015	2016
1	15,811	18,731	47,153	38,396
2	15,954	9,622	43,601	18,844
3	22,744	13,324	40,267	52,770
4	13,190	25,551	25,963	52,973
5	16,610	34,482	34,413	32,113
6	15,159	4,940	35,726	5,777
7	20,383		46,296	
8	21,118		33,702	
9	29,394		37,732	
10	20,675		34,727	
11	15,125		25,656	
12	22,378		23,148	
Tổng	229,568	106,650	463,329	200,570

Lượng nhập khẩu bột đạm các loại từ tháng 01/2015 – 07/06/2016 (tấn)

Tháng	Miền Bắc		Miền Nam	
	2015	2016	2015	2016
1	30,304	26,029	51,986	41,343
2	22,474	14,245	39,634	31,440
3	15,417	12,532	57,670	57,061
4	12,654	14,050	51,560	39,390
5	10,677	12,937	52,585	25,192
6	15,271	6,553	41,750	7,688
7	15,830		24,756	
8	18,137		16,446	
9	14,848		32,897	

10	17,902		21,423	
11	28,715		49,116	
12	22,994		28,441	
Tổng	236,615	86,345	530,150	202,113

Lượng nhập khẩu cám gạo từ tháng 01/2015– 07/06/2016 (tấn)

Tháng	Miền Bắc		Miền Nam	
	2015	2016	2015	2016
1	12,875	21,570	28,134	18,726
2	9,752	14,182	10,714	15,357
3	16,845	19,519	14,673	20,658
4	9,857	13,135	13,393	12,950
5	12,159	9,571	17,289	18,086
6	4,637	3,347	34,992	2,670
7	12,363		16,121	
8	12,273		15,423	
9	8,370		17,078	
10	12,530		17,365	
11	6,446		7,412	
12	2,611		7,521	
Tổng	120,718	81,325	200,115	88,447

Nguồn: AgroMonitor

Sản lượng TACN cho gia súc, gia cầm và thủy sản (nghìn tấn)

Năm	Tháng	Gia súc và gia cầm	Thủy sản
2014	1	820.8	191.9
	2	692.5	172.5
	3	744.9	222.4
	4	778.3	265.2
	5	790.5	275.4
	6	771.5	287.6
	7	780.5	263.6
	8	857.2	265.1
	9	896.4	282.6
	10	891.0	297.9
	11	901.1	309.7
	12	928.8	292.7
2015	1	934.2	282.6
	2	789.3	209.9
	3	886.0	268.3

	4	944.0	296.4
	5	956.5	309.4
	6	964.5	308.3
	7	1007.6	296.3
	8	1048.0	309.1
	9	1054.4	302.6
	10	1002.2	321.6
	11	1070.9	307.3
	12	1096.2	290.6
2016	1	1139.6	289.7
	2	895.3	219.0
	3	1089.5	284.8
	4	1093.4	288.1
	5*	1081.6	301.9

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê; 5/2016* số liệu ước tính

Chỉ số sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (các tháng so với tháng bình quân năm gốc 2010, %)

Năm	Tháng	Chỉ số sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
2014	1	125.6
	2	111.3
	3	127.1
	4	139.0
	5	144.1
	6	142.2
	7	139.0
	8	146.5
	9	155.2
	10	156.9
	11	161.9
	12	160.4
2015	1	161.4
	2	131.9
	3	154.5
	4	165.6
	5	169.8
	6	169.5
	7	171.6
	8	179.9
	9	181.4
	10	186.3
	11	183.7

	12	182.1
2016	1	188.4
	2	149.2
	3	181.0
	4	182.4
	5*	184.8

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê; 5/2016 số liệu ước tính*

Chỉ số tiêu thụ và tồn kho ngành sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (%)

Thời điểm	Chỉ tiêu	So với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)	Lũy kế từ đầu năm so với cùng kỳ năm trước (%)
1/1/2014	Tồn kho	106.0	133.2	-
1/2014	Tiêu thụ	89.0	98.5	98.5
1/2/2014	Tồn kho	100.8	134.8	-
2/2014	Tiêu thụ	83.9	97.9	98.4
1/3/2014	Tồn kho	107.4	141.2	-
3/2014	Tiêu thụ	113.8	98.2	98.3
1/4/2014	Tồn kho	106.2	139.9	-
4/2014	Tiêu thụ	109.0	105.3	100.2
1/5/2014	Tồn kho	105.8	152.6	-
5/2014	Tiêu thụ	103.2	105.8	101.4
1/6/2014	Tồn kho	104.0	149.3	-
6/2014	Tiêu thụ	98.0	101.4	101.7
1/7/2014	Tồn kho	101.6	177.0	-
7/2014	Tiêu thụ	97.6	102.3	101.8
1/8/2014	Tồn kho	102.4	175.4	-
8/2014	Tiêu thụ	110.2	112.6	103.3
1/9/2014	Tồn kho	93.3	136.4	-

9/2014	Tiêu thụ	103.0	106.2	103.6
1/10/2014	Tồn kho	101.4	145.8	-
10/2014	Tiêu thụ	100.9	105.3	103.8
1/11/2014	Tồn kho	99.1	141.1	-
01/2015	Tiêu thụ	96.6	122.3	122.3
01/02/2015	Tồn kho	105.7	135.7	-
02/2015	Tiêu thụ	88.4	124.9	121.7
01/03/2015	Tồn kho	94.3	116.3	-
03/2015	Tiêu thụ	108.7	123.4	122.2
01/04/2015	Tồn kho	102.1	113.4	-
05/2015	Tiêu thụ	101.5	115.8	119.9
01/06/2015	Tồn kho	108.4	122.5	-
06/2015	Tiêu thụ	104.7	123.9	120.6
01/07/2015	Tồn kho	102.4	124.0	-
07/2015	Tiêu thụ	94.7	118.1	120.5
01/08/2015	Tồn kho	109.5	127.2	-
08/2015	Tiêu thụ	106.4	118.3	121.0
01/09/2015	Tồn kho	105.1	146.2	-
09/2015	Tiêu thụ	103.6	116.2	119.5
01/10/2015	Tồn kho	100.0	137.9	-
10/2015	Tiêu thụ	100.7	111.5	116.5
01/11/2015	Tồn kho	102.9	139.2	-
11/2015	Tiêu thụ	99.7	109.4	116.5
01/12/2015	Tồn kho	100.9	139.1	-
04/2016	Tiêu thụ	101.6	113.5	111.9

01/05/2016	Tồn kho	101.9	113.6	-
------------	---------	-------	-------	---

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê

Lượng xuất khẩu tôm và cá tra từ 01/2013 – 5/2016 (nghìn tấn)

Năm	Tháng	Tôm	Cá tra
2014	1	16.9	70.1
	2	16.8	54.4
	3	20.3	59.9
	4	23.2	61.9
	5	25.5	59.0
	6	25.1	62.5
	7	29.1	66.3
	8	29.5	72.2
	9	27.7	70.3
	10	30.9	85.0
	11	23.8	65.4
	12	23.4	70.4
2015	1	17.2	60.5
	2	11.2	39.0
	3	19.2	58.3
	4	17.8	56.5
	5	21.3	61.6
	6	22.6	62.2
	7	22.9	67.0
	8	23.2	64.0
	9	27.1	67.3
	10	29.0	72.9
	11	25.4	65.1
	12	22.4	76.5
2016	1	19.7	72.8
	2	13.3	43.6
	3	21.2	65.7
	4	18.6	60.2
	5	19.1	57.0

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp

* Bản quyền thông tin thuộc về Công ty CP Phân tích và dự báo thị trường Việt Nam (AGROMONITOR). Ghi rõ nguồn AGROMONITOR khi trích dẫn lại thông tin trong ấn phẩm này. Các thông tin, số liệu được cung cấp đều đã công bố công khai và được AGROMONITOR bảo đảm có giá trị tính tới thời điểm phát hành. Những nhận định, dự báo trong ấn phẩm do các chuyên gia của AGROMONITOR đưa ra mang tính tham khảo, phục vụ quá trình phân tích, ra quyết định của các doanh nghiệp, nhà quản lý và các tổ chức nhận được ấn phẩm từ AGROMONITOR. AGROMONITOR sẽ không chịu trách nhiệm về việc khách hàng sử dụng những số liệu và dự báo công bố trong ấn phẩm